

Bản án số: 200/2018/HS-PT
Ngày 11-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn.

Bà Mai Thị Tú Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 483/2017/TLPT-HS ngày 22 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo Mai Quốc T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Mai Quốc T sinh năm 1989 tại tỉnh Sóc Trăng; đăng ký thường trú tại: Ấp A, xã B, huyện B1, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 4/12; dân tộc Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Mai Văn H, sinh năm 1966 và bà Phùng Thị N, sinh năm 1964; có vợ là Nguyễn Thị Yến N2, sinh 1993 và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 21 tháng 5 năm 2016, ngày 26 tháng 01 năm 2017 được trả tự do, ngày 09 tháng 5 năm 2017 bị bắt lại (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

1/ Bà Phùng Thị N, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện B1, tỉnh Sóc Trăng là mẹ của bị cáo Mai Quốc T (vắng mặt).

2/ Ông Mai Văn H, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện B1, tỉnh Sóc Trăng là cha của bị cáo Mai Quốc T (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Trần Thị Kim T1 là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H2 - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1988 (đã chết).

Ngoài ra, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02 năm 2016, chị Nguyễn Thị T2 và bị cáo Mai Quốc T thuê ki-ốt tại khu phố D, phường Đ, thị xã E, tỉnh Bình Dương chung sống với nhau như vợ chồng. Lúc T đi làm, chị T2 bán cà phê, kích dục cho khách tại ki-ốt. T nhiều lần khuyên chị T2 không kích dục cho khách uống cà phê.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 19 tháng 5 năm 2016, T đi làm ca đêm về, thấy quán có nhiều tàn thuốc lá trong gạt tàn và nhiều vết bánh xe mô-tô trên nền nhà nên nghi là chị T2 kích dục cho khách nhưng vì mệt nên T nằm ngủ. Khoảng 13 giờ cùng ngày, khi chờ chị T2 đi chợ mua thức ăn, T phát hiện trong áo khoác của chị T2 có gói thuốc lá nên hỏi chị T2 đêm qua có kích dục cho khách hay không thì chị T2 trả lời là không. T cầm đoạn cây gỗ vuông dài 60 cm, có cạnh 03 cm đánh vào đầu, cổ, tay và chân của chị T2 03 đến 04 cái thì chị T2 thừa nhận là có kích dục cho 02 khách. T dùng tay tát 02 đến 03 cái vào mặt chị T2, vật ngã chị T2 xuống tấm nệm để trên sàn và dùng hai tay bóp cổ chị T2 đến khi thấy chị T2 ngưng thở thì buông ra. Sau đó, T đi mua 02 gói mì tôm, đến lay chị T2 thì thấy chị T2 không cử động nữa nên biết chị T2 đã chết. T dùng chăn phủ lên người chị T2, lấy của chị T2 01 điện thoại di động hiệu S, 400.000 đồng trong bóp và 01 xe mô-tô hiệu V (màu đỏ, biển số X), khóa bên ngoài cửa ki ốt lại rồi trốn về quê ở tỉnh Sóc Trăng.

Khoảng 12 giờ ngày 20 tháng 5 năm 2016, T dùng điện thoại của chị T2 gọi anh Nguyễn Quốc C (em ruột của chị T2) nói là chị T2 bị bệnh nặng ở quán. Khoảng 14 giờ cùng ngày, anh C đến quán của chị T2, thấy cửa ki-ốt khóa ngoài nên kêu thợ sửa khóa đến mở cửa thì phát hiện xác chị T2 bên trong.

Tại bản Kết luận Giám định pháp y tử thi số 1730/GĐPY ngày 30 tháng 5 năm 2016, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Nguyên bị hại Nguyễn Thị T2 tử vong là do tác động ngoại lực của vật tày vào vùng cổ gây chèn ép bó mạch thần kinh dẫn đến ngạt đường hô hấp trên dẫn tới chết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 04 tháng 7 năm 2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương kết luận: Giá

trị 01 xe mô tô nhãn hiệu V là 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm ngàn đồng); 01 điện thoại di động S là 437.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Ngày 21 tháng 12 năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ra Quyết định số 30/2016/HSST-QĐ, trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương điều tra bổ sung để giám định tâm thần đối với Mai Quốc T. Ngày 28 tháng 12 năm 2016, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ra Quyết định số 04/QĐ-KSĐT-P2 trả hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương điều tra bổ sung. Ngày 07 tháng 01 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Mai Quốc T.

Tại bản Kết luận số 98/VPYTW ngày 06 tháng 3 năm 2017, Viện Pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa kết luận đối với Mai Quốc T như sau: Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Bị cáo bị rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F 07.8 – ICD.10); Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Mai Quốc T phạm tội “Giết người”, “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 93 và khoản 1 Điều 133; điểm p, n khoản 1, Điều 46; Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mai Quốc T 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người”, 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Mai Quốc T chấp hành hình phạt chung là 23 (hai mươi ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 09/5/2017, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2016 cho đến ngày 26/01/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, lãi suất nếu chậm thi hành án, quyền thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, bị cáo Mai Quốc T kháng cáo xin giảm hình phạt để bị cáo lo cho cha mẹ và hai con còn nhỏ, vì hình phạt quá nặng. Bị cáo không có ý giết người, không nghĩ là phạm tội “Cướp tài sản” khi lấy xe để thoát khỏi hiện trường, khi lấy tiền và điện thoại là những thứ có được từ tiền lương của bị cáo. Gia đình bị cáo thuộc loại hộ nghèo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo của bị cáo như sau: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, nhận thức pháp luật hạn chế, gia đình thuộc hộ cận nghèo và được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết được quy định tại điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội “Giết người” và 3 năm tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 23 năm

tù là phù hợp với quy định của pháp luật, không nặng. Gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường tiếp 24.000.000 đồng nhưng so với số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm quy kết còn quá ít. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo trình bày đề giảm hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo Điều 47 của Bộ luật Hình sự, giảm hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về gia đình, bồi thường cho gia đình của bị hại và lo cho 02 con còn nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày như đơn kháng cáo, thống nhất với ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo. Khi nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và lo cho 02 con của bị cáo.

Cha của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về gia đình lo cho con của bị cáo và cam kết gia đình bị cáo có bao nhiêu sẽ gửi tiền bồi thường bấy nhiêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Mẹ của bị cáo là bà Phùng Thị N vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, cha của bị cáo là ông Mai Văn H có mặt tại phiên tòa và khẳng định thay mặt mẹ bị cáo thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện hợp pháp của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[2] Bị cáo Mai Quốc T thừa nhận do ghen tuông vì chị T2 kích dục cho khách uống cà phê nên bị cáo đã dùng cây gỗ và tay đánh chị Nguyễn Thị T2 làm chị T2 chết. Bị cáo không thừa nhận đã bóp cổ bị hại. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, các kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ khẳng định bị cáo đã dùng cây gỗ và tay đánh chị T2 rồi bóp cổ chị T2 đến khi chị T2 không cử động làm chị T2 chết do ngạt đường hô hấp trên. Sau khi biết chị T2 chết, bị cáo lấy của chị T2 một điện thoại di động trị giá 437.000 đồng, 400.000 đồng trong bóp và xe mô tô trị giá 3.800.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ. Tội “Cướp tài sản” được bị cáo thực hiện liền sau khi giết chết chị T2 nên Hội đồng xét xử sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội “Giết người” với tình tiết định khung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng.

[3] Bị cáo nhận thức được việc dùng cây gỗ đánh vào đầu, bóp cổ bị hại

có thể dẫn đến hậu quả chết người nhưng vẫn thực hiện hành vi. Sau khi chị T2 ngưng thở, bị cáo không cấp cứu cho bị hại. Vì vậy, bị cáo cho rằng không cố ý giết chết bị hại là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Bị cáo cho rằng bị cáo không biết mình phạm tội “Cướp tài sản” vì bị cáo dùng xe của bị hại để trốn do quá hoảng sợ và tiền, điện thoại mà bị cáo lấy là từ tiền lương của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo không có chứng cứ chứng minh tiền bị cáo lấy từ bóp (ví) của bị hại và điện thoại bị hại sử dụng là do bị cáo đưa cho bị hại. Mặt khác, bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại một cách trái pháp luật là đã cấu thành tội phạm, không phụ thuộc vào mục đích của hành vi chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo về tội “Cướp tài sản”.

[5] Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) vì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, nhận thức pháp luật kém, gia đình thuộc hộ cận nghèo và được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ. Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng và tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội, gây đau thương cho gia đình nạn nhân và làm cho các con của bị hại mất mẹ khi còn rất nhỏ. Cân đối các tình tiết định khung và giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội “Giết người” và 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” là phù hợp với tích chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai báo không thành khẩn và trình bày thêm là bị cáo có 02 con nhỏ, có cha mẹ già, sau phiên tòa sơ thẩm đã tác động gia đình khắc phục hậu quả 24.000.000 đồng, nhưng các tình tiết này cũng không đủ để giảm hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[6] Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm không ghi áp dụng cho bị cáo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) là thiếu sót nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung.

[7] Sau phiên tòa sơ thẩm, mẹ của bị cáo Mai Quốc T là bà Phùng Thị N đã nộp 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng tiền khắc phục hậu quả thay cho bị cáo theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0000667 ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Số tiền này cần được trừ vào khoản tiền bị cáo Mai Quốc T phải bồi thường cho gia đình của bị hại do ông Nguyễn Quốc L đại diện nhận như ghi tại Bản án sơ thẩm.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố

Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm của Luật sư, lời trình bày của bị cáo và ý kiến của cha bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[9] Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Quốc T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tuyên bố bị cáo Mai Quốc T phạm tội “Giết người”, “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 93; khoản 1 Điều 133; điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Mai Quốc T 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người”, 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 02 tội, buộc bị cáo Mai Quốc T chấp hành hình phạt chung là 23 (hai mươi ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 5 năm 2017, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21 tháng 5 năm 2016 đến ngày 26 tháng 01 năm 2017.

Bị cáo Mai Quốc T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận mẹ của bị cáo Mai Quốc T là bà Phùng Thị N đã nộp 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng tiền khắc phục hậu quả thay cho bị cáo theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0000667 ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Số tiền này được trừ vào tiền khoản bị cáo Mai Quốc T phải bồi thường cho gia đình của bị hại do ông Nguyễn Quốc L đại diện nhận như ghi tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng (6) (Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương tổng đạt cho bị cáo);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, HDT, 19.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng An Thanh